TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 61/2024/DS-GĐT
Ngày: 14-8-2024
V/v *"Tranh chấp về thừa kế tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Với Hội đồng xét xử giámđốc thẩm gồm:

Chủ tọa phiên tòa: ông Lê Tự - Thẩm phán.

Các Thẩm phán: ông Đặng Kim Nhân và ông Nguyễn Tấn Long.

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Thu Ba - Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đoàn Ngọc Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 14-8-2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giámthẩm xét xử vụ án dân sự:*"Tranh chấp về thừa kế tài sản",* giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Phạm Thị H; địa chỉ cư trú: thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: ông Phạm Văn C và bà Huỳnh Thị T; địa chỉ cư trú: thôn T, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Phạm Thị L; địa chỉ cư trú: số nhà E N, tổ I, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai.

3.2. Bà Phạm Thị T1 và ông Huỳnh Văn T2; địa chỉ cư trú: số nhà A Đ, khu vực B, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.

3.3. Ông Phạm Đức D và bà Phan Thị Thu H1; địa chỉ cư trú: số nhà A Đ, khu vực B, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.

3.4. Anh Nguyễn Thế Q; địa chỉ cư trú: số nhà A Đ, khu vực B, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bà Phạm Thị H trình bày:

Cụ Phạm C1 (chết năm 2010) và cụ Lương Thị B (chết năm 2017) có 06 người con, gồm: Phạm Thị H, Phạm Văn C, Phạm Văn T3 (chết năm 1983, không có vợ con), Phạm Thị L, Phạm Thị T1 và Phạm Văn C2 (chết năm 1984, không có vợ con). Ngoài ra, hai cụ không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Quá trình chung sống, cụ Phạm C1 và cụ Lương Thị B tạo lập được khối tài sản chung là thửa đất số 88, tờ bản đồ số 11 tại khu V, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định, trên đất có 01 ngôi nhà cấp 4 xây dựng năm 1969 và 01 ngôi nhà cấp 4 xây dựng năm 1988. Thửa đất số 88, tờ bản đồ số 11 có diện tích 606 m^2 (trong đó 200 m^2 đất ở và 406 m^2 đất vườn) đang tranh chấp đã được Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện (nay là thị xã) An Nhơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cụ Phạm C1 vào năm 1994.

Cụ Phạm C1 và cụ Lương Thị B ở với bà Phạm Thị T1, bà Phạm Thị L và anh Nguyễn Thế Q (con trai bà T1) tại ngôi nhà xây dựng năm 1988 cho đến khi qua đời, thì bà T1, anh Q tiếp tục ở. Năm 2021, vợ chồng bà T1, ông Huỳnh Văn T2 xây dựng thêm 01 ngôi nhà cấp 4 liền kề với ngôi nhà xây dựng năm 1988, còn ngôi nhà xây dựng năm 1988 do ông Q ở và nhang khói cho hai cụ cho đến nay. Vợ chồng ông Phạm Văn C ở tại ngôi nhà xây dựng năm 1969, đến năm 2020 thì đập bỏ 02 gian nhà phụ và xây dựng thêm 02 phòng, bếp và công trình phụ, còn gian nhà chính vẫn giữ nguyên.

Cụ Phạm C1 và cụ Lương Thị B chết không để lại di chúc. Vì vậy, bà yêu cầu chia di sản thừa kế của hai cụ là quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và xin được nhận phần đất có ngôi nhà xây dựng năm 1988 do anh Q đang ở. Nếu phần đất được nhận nhiều hơn thì sẽ trả lại giá trị chênh lệch; phần đất giao cho ai mà có nhà của cụ C1, cụ B thì người đó được hưởng, bà không tranh chấp.

Bị đơn, ông Phạm Văn C và bà Huỳnh Thị T trình bày:

Ông, bà thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, hàng thừa kế, di sản thừa kế, nguồn gốc di sản thừa kế và quá trình quản lý, sử dụng di sản thừa kế. Ông, bà thống nhất với yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn và xin được nhận nhà đất hiện vợ chồng ông bà đang ở; đồng thời, đề nghị được giữ nguyên hiện trạng đường đi từ trước ra sau (do ngôi nhà vợ chồng ông, bà nằm phía sau ngôi nhà của cụ C1, cụ B xây dựng năm 1988) nhưng không đồng ý thanh toán giá trị. Đối với diện tích đất có chuồng bò, nếu giao cho người khác thì ông, bà yêu cầu thối trả lại giá trị chuồng bò cho ông, bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Phạm Thị L: Bà thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, hàng thừa kế, di sản thừa kế, nguồn gốc di sản thừa kế và quá trình quản lý, sử dụng di sản thừa kế. Thửa đất số 88, tờ bản đồ số 11 có diện tích 606 m^2 (trong đó 200 m^2 đất ở và 406 m^2 đất vườn) đã được UBND huyện (nay là thị xã) An Nhơn giao quyền sử dụng đất cho hộ gia đình đứng tên cụ Phạm C1 vào

năm 1994 gồm có 04 nhân khẩu gồm: cụ C1, cụ B, bà T1 và bà. Cụ C1, cụ B chết không để lại di chúc và lúc còn sống cũng chưa cho ai nhà đất trên. Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà H và yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ là quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật; đối với quyền sử dụng đất được cấp cho hộ gia đình, bà yêu cầu được nhận giá trị. Bà không yêu cầu chia nhà trên đất do cụ C1, cụ B xây dựng; nếu giao phần đất có nhà cho ai thì người đó được hưởng.

Bà Phạm Thị T1: Bà thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, hàng thừa kế, di sản thừa kế, nguồn gốc di sản thừa kế và quá trình quản lý, sử dụng di sản thừa kế. Thống nhất như lời trình bày của bà L về việc UBND huyện (nay là thị xã) An Nhơn giao quyền sử dụng đất cho hộ gia đình trong đó có bà. Do cụ C1, cụ B chết không để lại di chúc, lúc còn sống cha mẹ cũng chưa cho ai nhà đất trên nên bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà H, yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ là quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và quyền sử dụng đất được cấp cho hộ gia đình. Bà yêu cầu được nhận phần đất có ngôi nhà mà vợ chồng bà xây dựng, nếu phần đất bà nhận có ngôi nhà mà ít hơn so với phần đất bà được hưởng thì yêu cầu nhận thêm giá trị. Bà không yêu cầu chia nhà trên đất do cụ C1, cụ B xây dựng; nếu giao phần đất có nhà cho ai thì người đó được hưởng.

Ông Huỳnh Văn T2: Ông thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của bà Phạm Thị T1 là vợ của ông.

Anh Phạm Đức D và chị Phan Thị Thu H2: Quá trình sống chung với cha, mẹ tại nhà đất (hiện đang tranh chấp), năm 2020 vợ chồng anh chị góp 70.000.000 đồng cho cha mẹ sửa nhà. Nay bà H2 kiện chia di sản thừa kế của ông bà nội là cụ C1, cụ B thì anh, chị thống nhất theo ý kiến của bị đơn là cha mẹ anh, chị. Nếu nhà đất mà cha mẹ anh, chị đang ở không được giao cho cha, mẹ thì anh chị yêu cầu ai nhận nhà phải trả lại tiền đã đóng góp sửa nhà.

Anh Nguyễn Thế Q: Anh thống nhất như lời trình bày của mẹ anh bà Phạm Thị T1 và các cậu, dì. Ngôi nhà do cụ C1, cụ B xây dựng năm 1988 không có công trình phụ nên năm 2020 anh có xây 01 móng gạch và công trình phụ nhưng ông Phạm Văn C ngăn cản không cho xây. Anh thống nhất theo yêu cầu khởi kiện nguyên đơn và không tranh chấp phần móng gạch do anh xây dựng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2022/DS-ST ngày 12/4/2022, Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 5, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, Điều 227, Điều 364, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 674, 675, 676 và 685 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 623, 649, 650, 651 và 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của vợ chồng cụ Phạm C1 và cụ Lương Thị B.

2. Xác định di sản thừa kế của vợ chồng cụ Phạm C1 và cụ Lương Thị B là quyền sử dụng đất, có diện tích gồm 200 m^2 đất ở và 301,8 m^2 đất vườn (trong đó 203 m^2 đất vườn theo định mức nhân khẩu (101,5 m^2 x 2) và 98,8 m^2 đất vườn thừa) tại thửa đất số 88, tờ bản đồ số 11, khu vực B, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình.

3. Giao bà Phạm Thị H được quyền sử dụng phần đất có diện tích là 112,4 m^2 (trong đó có 50 m^2 đất ở và 62,4 m^2 đất vườn) tại thửa đất số 88, tờ bản đồ số 11, khu vực B, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định. Bà H được sở hữu ngôi nhà do vợ chồng cụ C1, cụ B xây dựng năm 1988 trên phần đất được giao. Phần đất giao cho bà H được ký hiệu B trên sơ đồ phân chia, trong đó có 45 m^2 đất và 23,1 m^2 nhà nằm trong hành lang an toàn giao thông đường Đ, có giới cận: Đông giáp đường Đ; Tây giáp phần đất giao cho ông Phạm Văn C; Nam giáp nhà của bà Phạm Thị T1, ông Huỳnh Văn T2; Bắc giáp phần đất giao cho ông Phạm Văn C.

4. Giao bà Phạm Thị T1 được quyền sử dụng phần đất có diện tích là 142,9 m^2 (trong đó có 50 m^2 đất ở và 92,9 m^2 đất vườn) tại thửa đất số 88, tờ bản đồ số 11, khu vực B, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định. Trên phần đất giao cho bà T1 có ngôi nhà cấp 4 do bà T1 và ông T2 xây dựng. Phần đất giao cho bà T1 được ký hiệu C trên sơ đồ phân chia, trong đó có 53,6 m^2 đất và 8,3 m^2 nhà nằm trong hành lang an toàn giao thông, có giới cận: Đông giáp đường Đ; Tây giáp phần đất giao cho ông Phạm Văn C; Nam giáp thửa đất ODT 87; Bắc giáp nhà đất giao cho bà Phạm Thị H

5. Buộc vợ chồng ông Phạm Văn C, bà Huỳnh Thị T có trách nhiệm tháo dỡ chuồng bò có diện tích xây dựng 22,8 m^2 để giao phần đất được chia cho bà Phạm Thị T1 sử dụng.

6. Giao ông Phạm Văn C được quyền sử dụng phần đất có diện tích là 449,5 m^2 (trong đó có 100 m^2 đất ở và 349,5 m^2 đất vườn) tại thửa đất số 88, tờ bản đồ số 7, khu vực B, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định. Ông C được sở hữu ngôi nhà do vợ chồng cụ C, cụ B xây dựng năm 1969 trên phần đất được giao. Phần đất giao cho ông C được ký hiệu A trên sơ đồ phân chia, trong đó có 11,9 m^2 đất nằm trong hành lang an toàn giao đường Đ, có giới cận: Đông giáp đường Đ, có chiều dài 3 m; Tây giáp thửa đất ODT 89 và thửa ODT 77; Nam giáp thửa đất ODT 87 và phần đất giao cho bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị T1; Bắc giáp thửa đất ODT 78 và thửa đất ODT 79.

(có sơ đồ phân chia kèm theo).

7. Buộc ông Phạm Văn C có nghĩa vụ thanh toán kỷ phần thừa kế và định mức đất vườn cho bà Phạm Thị L với số tiền là 830.850.000 đồng (tám trăm ba mươi triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).

8. Buộc ông Phạm Văn C có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị T1 giá trị đất chênh lệch với số tiền là 252.150.000 đồng (hai trăm năm mươi hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác, quyền và nghĩa vụ thi hành án, tuyên quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 26/4/2022, ông Phạm Văn C kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 126/2022/DS-PT ngày 29/6/2022, Toà án nhân dân tỉnh Bình Định quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015Điều 2 HYPERLINK "https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-X-hoi/Luat-nguoi-cao-tuoi-nam-2009-98672.aspx" \h Luật Người cao tuổiđiểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông Phạm Văn C; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 65/2022/DS-ST ngày 12/4/2022 của Toà án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

Ngoài ra, bản án phúc thẩm còn quyết định về án phí và nghĩa vụ thi hành án.

- Tại Văn bản kiến nghị số 634/CCTHADS ngày 17/8/2023, Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án dân sự phúc thẩm nêu trên, với lý do quá trình tổ chức thi hành án đương sự chống đối quyết liệt, vì trên thực tế nếu xử lý bán tài sản mà ông Phạm Văn C được hưởng thì sẽ không đủ thi hành án cho bà Phạm Thị L, bà Phạm Thị T1 và các khoản phát sinh trong việc tổ chức cưỡng chế.

- Ngày 22/5/2024, ông Phạm Văn C và bà Huỳnh Thị T có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án dân sự phúc thẩm nêu trên, với lý do tổng giá trị hiện vật ông, bà được nhận theo bản án nếu trừ đi giá trị phải trả lại thì giá trị kỷ phần thừa kế mà ông, bà thực nhận là ít hơn một kỷ phần thừa kế, điều này xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông, bà.

- Tại Quyếtkháng nghị giámthẩm số 21/2024/KN-DS ngày 28/6/2024, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giámthẩm, hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 126/2022/DS-PT ngày 29/6/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Định và Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2022/DS-ST ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm theo đúng quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa giámthẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận Quyếtkháng nghị giámđốc thẩm số 21/2024/KN-DS ngày 28/6/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về di sản thừa kế và hàng thừa kế:

Tòa án cấp sơ thẩm và Toà án cấp phúc thẩm xác định di sản do cụ Phạm C1, cụ Lương Thị B tạo lập chết để lại chưa chia là 200 m^2 đất ở và 301,8 m^2 đất vườn (406 m^2 đất vườn (đo đạc thực tế 504,8 m^2) được cân đối theo Nghị định 64/CP gồm 04 người: Cụ Phạm C1, cụ Lương Thị B, bà Phạm Thị T1 và bà Phạm Thị L) mỗi người 101,5 m^2 đất vườn) thuộc thửa đất số 88, tờ bản đồ số 11, tại khu vực B, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định; xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Phạm C1, cụ Lương Thị B gồm 04 người: (**1**) bà Phạm Thị H, (**2**) ông Phạm Văn C, (**3**) bà Phạm Thị L, (**4**) bà Phạm Thị T1 là có căn cứ.

[2]. Về chia thừa kế:

Di sản của cụ Phạm C1, cụ Lương Thị B được chia thành 04 kỷ phần, mỗi kỷ phần là 50 m^2 đất ở và 75,45 m^2 đất vườn, trị giá mỗi kỷ phần là 526.350.000 đồng. Riêng bà Phạm Thị H và bà Phạm Thị T1 được cộng thêm 101,5 m^2 đất vườn chia theo nhân khẩu. Quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn C, bà Phạm Thị T1 xin được nhận kỷ phần thừa kế bằng hiện vật theo hiện trạng sử dụng; bà H, bà Thông đồng ý trả lại giá trị chênh lệch, nhưng ông C thì không đồng ý trả lại giá trị.

[3]. Tòa án cấp sơ thẩm và Toà án cấp phúc thẩm đã quyết định giao cho bà H được sở hữu ngôi nhà xây dựng năm 1988 trên diện tích là 112,4 m^2 (ký hiệu C); bà T1 được sở hữu ngôi nhà do bà T1 và ông T2 xây dựng trên diện tích là 142,9 m^2 (ký hiệu B); ông C được sở hữu ngôi nhà xây dựng từ năm 1969 trên diện tích là 449,5 m^2 (ký hiệu A) tại thửa đất số 88, tờ bản đồ số 7, khu vực B, phường Đ, thị xã A, tỉnh Bình Định; buộc ông C có nghĩa vụ thanh toán kỷ phần thừa kế và định mức đất vườn cho bà L với số tiền là 830.850.000 đồng, thanh toán cho bà T1 giá trị đất chênh lệch với số tiền là 252.150.000 đồng. Như vậy, phần ông C được giao gồm 01 kỷ phần thừa kế của ông (trị giá 526.350.000 đồng), 01 kỷ phần của bà L (trị giá 526.350.000 đồng), diện tích đất vườn của bà L chia theo nhân khẩu (trị giá 304.500.000 đồng) và một phần giá trị đất chênh lệch cho bà T1 (trị giá 252.150.000 đồng) với tổng trị giá 1.609.350.000 đồng tương đương với giá trị của 03 kỷ phần thừa kế.

[4]. Tuy nhiên, tại sơ đồ phân chia quyền sử dụng thì thửa đất số 88 chỉ có một mặt giáp đường Đ dài 29,26 m, hình dạng thửa đất không thẳng từ trước ra sau mà nhỏ ở giữa, các mặt còn lại đều giáp các thửa đất khác. Trong khi đó, diện tích đất bà H được giao có mặt tiền giáp đường là 12,85 m, diện tích đất bà T1 được giao có mặt tiền giáp đường là 13,35 m; còn diện tích ông C được giao có mặt tiền giáp đường là 03 m và được sử dụng để làm lối đi vào diện tích đất còn lại. Như vậy, phần diện tích đất ông C được giao phần lớn nằm ở phía sau diện tích đất bà T1, bà H được giao, điều này làm cho giá trị kỷ phần thực tế mà ông C được giao giảm xuống theo vị trí đất, ảnh hưởng rất lớn đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông C, trong khi ông C phải trả lại giá trị chêch lệch được tính theo giá trị vị trí đất mặt tiền giáp đường Đ.

[5]. Tại Văn bản kiến nghị số 634/CCTHADS ngày 17/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định, kèm theo Chứng thư thẩm định giá ngày 25/7/2023 (do ông C yêu cầu thực hiện trong quá trình thi hành án)

thì tổng diện tích đất mà ông C được chia bằng hiện vật (bao gồm 01 kỷ phần của ông, 01 kỷ phần của bà L và một phần diện tích đất của bà T1) có giá là 1.207.512.000 đồng, nếu bán toàn bộ tài sản ông C được hưởng thì sẽ không đủ thi hành án cho bà L, bà T1 và các khoản phát sinh trong việc tổ chức cưỡng chế thi hành án. Kiến nghị này của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã An Nhơn là phù hợp với khiếu nại của ông C, bà T cho rằng nếu trừ đi giá trị kỷ phần ông C phải trả lại cho bà L và bà T1 thì giá trị kỷ phần thừa kế của ông C chỉ còn 124.512.000 đồng (chưa bao gồm các khoản phát sinh trong việc tổ chức thi hành án) là không đảm bảo giá trị 01 kỷ phần 526.350.000 đồng.

[6]. Từ những phân tích trên, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vụ án chia thừa kế không đảm quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phạm Văn C, bà Huỳnh Thị T. Kháng nghị số 21/2024/KN-DS ngày 28/6/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[7]. Do đó, Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 126/2022/DS-PT ngày 29/6/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Định và Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2022/DS-ST ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 3 Điều 343 và Điều 345 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1. Chấp nhận Quyếtkháng nghị giámthẩm số 21/2024/KN-DS ngày 28/6/2024 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;

2. Hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 126/2022/DS-PT ngày 29/6/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Bình Định và Bản án dân sự sơ thẩm số 65/2022/DS-ST ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn về *"Tranh chấp về thừa kế tài sản"*, giữa nguyên đơn bà Phạm Thị H với bị đơn ông Phạm Văn C, bà Huỳnh Thị T.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

4. Quyết định giámthẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giámđốc thẩm ra quyết định.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Tự

Nơi nhận:
- Vụ GĐKT II - Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định;
- Tòa án nhân dân thị xã A;
- Cục Thi hành án dân sự thị xã A;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng HCTP; Phòng GĐKT về DS-KDTM-LĐ và HSVA.